

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày 26-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ;

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 6 năm 2019, đối bị cáo:

Phạm Đức C sinh ngày 01/6/1988; nơi sinh: Xã M, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, Xã M, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn N (đã chết) và bà: Đỗ Thị P sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có

Tiền sự: Không

Tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 43/2016/HSST ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Hải Dương xử phạt 13 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; nhân thân: Bản án số 11/2013/HSST ngày 05/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện QP, tỉnh Thái Bình (*trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Bị hại: Bà Phạm Thị Q sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Văn T1 sinh năm 1996

- Anh Đỗ Văn T2 sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

(*Tại phiên tòa bà Q, anh T1 và anh T2 đều vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Đức C và Vũ Văn Ch có quan hệ bạn bè. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/10/2018, Ch đi xe máy đến nhà C chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên C nảy sinh ý định sang Thái Bình để cướp giật tài sản, C đã nói với Ch “*Sáng mai tao với mày sang Thái Bình giật tài sản của người đi đường*”. Ch đồng ý và ngồi chơi một lúc rồi đi về. Đến khoảng 05 giờ ngày 24/10/2018, Ch đi xe máy đến nhà C, khoảng 10 phút sau Đỗ Văn T2 là bạn của Ch và C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 15K1-238.13 của em trai T2 là Đỗ Văn T1 cũng đến nhà C chơi. Trong lúc ngồi chơi mẹ của C là bà Đỗ Thị P nhờ Ch và T2 ra đồng kéo lúa hộ. Do đã hẹn trước với C về việc đi cướp giật tài sản nên Ch không đi nữa mà chỉ có T2 dùng xe mô tô của Ch đi ra đồng kéo lúa cùng bà Phương. Còn Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter nêu trên chở C ra Quốc lộ 10 sang Thái Bình để cướp giật tài sản. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đến Quốc lộ 10, đoạn đường thuộc địa phận thôn Đ, xã AL, huyện QP thì phát hiện thấy bà Phạm Thị Q đang điều khiển xe đạp mini màu đỏ đi phía trước cùng chiều, trong giỏ xe phía trước có để một chiếc túi xách giả da, màu đen, kích thước (30x20x5)cm, có dây đeo thò ra ngoài giỏ xe, trên túi xách để một vài quyển sách, vở, trên cùng úp một chiếc nón lá. Ch nói với C “*trong giỏ xe có túi xách*” nên C hiểu ý là sẽ giật chiếc túi xách trên. Ch liền điều khiển xe vượt qua xe của bà Q khoảng 20m thì dừng lại ở mé đường, vẫn để xe nổ máy. Để tránh bị phát hiện, Ch lấy trong túi áo khoác ra chiếc khăn trùm đầu bịt quanh mặt, còn C lấy mũ áo khoác trùm lên đầu. Khi bà Q đi qua chỗ Ch và C khoảng 10m thì Ch tăng ga điều khiển xe đuổi theo áp sát phía bên trái xe đạp của bà Q để C dùng tay phải cầm vào dây đeo của túi xách giật vào phía mình và để vào yên xe vị trí giữa Ch và C, làm tập sách vở trên giỏ xe đạp rơi xuống đường. Ch tăng ga bỏ chạy thoát về hướng Thái Bình, đến ngã tư GL rẽ trái đi về hướng TTh. Khi đến đoạn đường cánh đồng thuộc địa phận thôn VC, xã TS, huyện TTh, tỉnh Thái Bình thì Ch dừng xe. C đưa chiếc túi xách vừa cướp giật được

cho Ch mở ra kiểm tra thấy bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng, 01 USB loại 16GB, 02 dao gọt hoa quả dài 15cm, 02 khăn mặt màu trắng và số tiền khoảng 300.000 đồng. Ch cầm chiếc điện thoại và số tiền bỏ vào túi áo, số tài sản còn lại cùng chiếc túi xách Ch ném xuống khu vực cánh đồng cạnh đường rồi điều khiển xe chở C về nhà. Trên đường về, cả hai sử dụng hết số tiền trên. Về đến nhà C, thấy T2 đang đợi ở nhà, Ch lấy chiếc điện thoại vừa cướp giật được đưa cho T2 xem và nói “*Vừa sang Quỳnh Phụ, Thái Bình giật được của con phụ nữ mỗi cái điện thoại này và mấy trăm nghìn, tiền thì tiêu hết rồi*”. T2 cầm chiếc điện thoại xem nhưng không nói gì rồi đưa lại cho Ch, sau đó đi về nhà.

Sau khi gây án, Ch bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 24/1/2018, bà Phạm Thị Q có đơn trình báo gửi Công an huyện QP. Ngày 26/12/2018 Cơ quan C sát điều tra Công an huyện QP đã triệu tập C lên làm việc, C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết quả định giá tài sản: 01 chiếc túi xách giả da màu đen trị giá 150.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5S trị giá 2.200.000 đồng, 01 USB loại 16GB trị giá 100.000 đồng, 01 dao gọt hoa quả trị giá 10.000 đồng; 02 chiếc khăn mặt trị giá 10.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản là 2.470.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đức C khai: Do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo là người rủ Ch đi cướp giật tài sản. Khi đi bị cáo mặc khoác màu đen có mũ trùm đầu, quần bò màu xanh, đội mũ lưỡi trai màu trắng, Ch cũng mặc áo khoác màu đen quần bò xanh và đội mũ bảo hiểm nửa đầu. Bị cáo và Ch đã dùng xe mô tô nhãn hiệu Exciter của Đỗ Văn T2 để đi cướp giật tài sản. Ch là người điều khiển xe trong suốt quá trình, bị cáo ngồi sau, khi phát hiện ra bà Q thấy có túi xách trong giỏ xe nên bị cáo và Ch nảy sinh ý định cướp giật của bà Q. Khi đi cách bà Q khoảng 20m thì dừng lại, để tránh bị phát hiện Ch lấy khăn để trùm mặt còn bị cáo lấy mũ áo khoác trùm lên đầu. Khi bà Q đi cách bị cáo khoảng 10m thì tăng ga điều khiển xe áp sát bên trái bà Q, khi hai xe song song cách nhau khoảng 50cm thì bị cáo dùng tay phải cầm vào dây đeo giật mạnh về phía mình rồi để vào yên xe đồng thời Ch tăng ga bỏ chạy về hướng Thái Bình. Khi đi đến cánh đồng thôn VC, xã TS, huyện TTh thì Ch dừng xe, bị cáo đưa chiếc túi cướp giật được cho Ch, sau khi kiểm tra Ch cầm chiếc điện thoại và tiền bỏ vào túi, tài sản còn lại trong túi xách đã vứt xuống khu vực cánh đồng cạnh đường rồi đi về, số tiền 300.000 đồng bị cáo và Ch đã sử dụng số hết. Về nhà, Ch có nói cho T2 biết về việc cướp giật được tiền và điện thoại. T2 cầm chiếc điện thoại lên xem không nói gì và đã đưa lại cho Ch, Ch cầm và giữ chiếc điện thoại, chiếc điện thoại hiện giờ ở đâu bị cáo không biết. Trước khi đi cướp giật tài sản, bị cáo và Ch không nói cho T2 biết. Trước, trong và sau khi cướp giật tài sản của bà Q bị cáo và Ch không có bất cứ lời nói, hành vi, cử chỉ gì để đe dọa bà Q.

Bị hại bà Phạm Thị Q khai: Sáng ngày 24/10/2018 bà đi xe đạp mini đi ở quốc lộ 10, khi đi đến địa phận thôn Đ, xã AL, bà thấy có 02 thanh niên đi xe

mô tô nhãn hiệu Exciter bà không nhớ biển số áp sát bên trái xe đạp của bà, khi hai xe song song cách nhau cách khoảng 50cm thì người ngồi sau dùng tay phải giật mạnh dây túi xách trong giỏ xe của bà và tăng ga bỏ chạy về hướng xã Đông Hải để chạy thoát, sau này bà biết được người giật túi xách của bà là Phạm Đức C và người điều khiển xe là Vũ Văn Ch. Tài sản bà bị cướp giật gồm có: 01 túi xách giả da màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, 01 USB loại 16GB, 02 dao gọt hoa quả, 02 khăn mặt và tiền mặt 300.000 đồng. Tổng số tiền tài sản bà bị cướp giật là 2.770.000 đồng. Do số tài sản trên có giá trị không lớn nên bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà. Khi cướp giật tài sản của bà bị cáo và Ch không có bất cứ cử chỉ, lời nói hay hành động nào đe dọa bà, bà cũng không bị thương tích gì. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T2 khai: Sáng ngày 24/10/2018 anh có đi xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 15K1-238.13 của em trai là Đỗ Văn T1 đến nhà C chơi, mẹ C có nhờ anh ra đồng kéo lúa hộ, do xe của anh không kéo lúa được nên anh đã sử dụng xe máy của Ch đi đến để ra đồng kéo lúa cho bà P, còn C và Ch đi đâu làm gì anh không biết. Khoảng hơn 10 giờ C và Ch đi xe về nhà C, Ch có đưa cho anh điện thoại Iphone 5S màu trắng cho anh xem và nói cho anh biết ngoài cướp giật được điện thoại còn cướp giật được tiền của người đi đường, tiền thì Ch và C đã tiêu hết. Sau khi xem xong điện thoại, anh đưa lại điện thoại cho Ch và không nói gì, sau đó anh lấy xe của mình đi về nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T1 khai: Đỗ Văn T2 là anh trai anh. Chiếc mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 15K1-238.13 là của anh, anh không biết T2 cho Ch và C mượn xe mô tô này để đi cướp giật tài sản. Anh đã nhận lại chiếc xe và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKSQP ngày 29/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QP, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Đức C về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Đức C về tội “*Cướp giật tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội “*Cướp giật tài sản*”; Về hình phạt: áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Đức C từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/01/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân

sự và xử lý vật chứng không đặt ra giải quyết; Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát Điều tra Công an huyện QP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện QP và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận hành vi cướp giật tài sản của mình. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 24/10/2018, tại quốc lộ 10, thuộc địa phận thôn Đ, xã AL, huyện QP, tỉnh Thái Bình, Phạm Đức C và Vũ Văn Ch sử dụng xe mô tô Exciter màu xanh, biển kiểm soát 15K1-238.13 áp sát bên trái xe đạp của bà Phạm Thị Q đang điều khiển đi cùng chiều, khi cách xe của bà Q khoảng 50cm thì C dùng tay phải cầm vào dây túi xách giật mạnh về phía mình rồi để vào yên xe vị trí giữa Ch và C đồng thời Ch tăng ga điều khiển xe bỏ chạy. Tài sản C và Ch đã cướp giật của bà Q gồm: 01 túi xách giả da, 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng, 01 USB loại 16GB, 02 con dao gọt hoa quả, 02 khăn mặt. Tổng tài sản có giá trị là 2.470.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt. Tổng trị giá, tài sản và tiền mà C và Ch cướp giật của bà Phạm Thị Q 2.770.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Đức C và Vũ Văn Ch đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội cướp giật tài sản

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm

.....”.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện QP truy tố bị cáo Phạm Đức C phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Trong vụ án này còn có Vũ Văn Ch là người thực hiện hành vi cùng với Phạm Đức C. Bị cáo C là người khởi xướng, rủ rê và là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Tuy nhiên, sau khi phạm tội Ch đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra Công an huyện QP đã ra Quyết định truy nã đối với Ch, tạm đình chỉ điều tra vụ án và điều tra bị can, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, lợi dụng thời điểm ít người qua lại trên đường. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, bị cáo dùng phương tiện xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ dễ tiếp cận bị hại, hành vi mà bị cáo thực hiện không những có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại mà còn gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông khác vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị Tòa án xét xử, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, trước đó bị cáo cũng đã bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đã được giáo dục cải tạo, song không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này còn nguy hiểm hơn so với những lần phạm tội trước đó, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

[8] Từ những căn cứ, nhận định nêu trên nên về loại và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, sống phụ thuộc gia đình vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền và tài sản mà bà Phạm Thị Q bị cướp giật có giá trị là 2.770.000 đồng, bà Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự HĐXX không xét.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 túi xách giả da, 01 USB loại 16GB, 02 con dao gọt hoa quả, 02 khăn mặt, các tài sản này bị cáo và Ch đã vứt đi, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả. Số tiền 300.000 đồng bị cáo và Ch đã chi tiêu hết. Chiếc điện thoại Iphone 5S do Ch giữ, Ch đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không quản lý, thu hồi được.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 15K1-238.13 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Vũ Văn T1, do anh T1 không không biết bị cáo và Ch dùng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Đối với anh Đỗ Văn T2 là người điều khiển xe đến nhà bị cáo Phạm Đức C, nhưng anh T2 không biết việc C và Ch dùng chiếc xe này để đi cướp giật tài sản. Sau khi đi cướp giật được tài sản, Ch có cho anh T2 xem chiếc điện thoại và nói đó là tài sản vừa đi cướp giật được. Tuy anh T2 không đến cơ quan có thẩm quyền trình báo sự việc trên nhưng hành vi này của anh T2 không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội “*Cướp giết tài sản*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Đức C 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/01/2019.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Đức C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện QP;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra CA h. Quỳnh Phụ;
- Nhà tạm giữ CA h. Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã Cao Minh, h.Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- TAND tỉnh Thái Bình, Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên
(Đã ký)**